

# Sách Daniel - Số một trăm tám mươi tám

*Từ Raphia đến Panium: Hé lộ ý nghĩa tiên tri của các trận chiến cổ đại*

Jeff Pippenger

2024-04-18

Trận Raphia và Trận Panium là hai sự kiện lịch sử riêng biệt diễn ra trong những giai đoạn và bối cảnh khác nhau, nhưng cả hai đều có ý nghĩa trong lịch sử Giu-đê cổ đại và các vùng lân cận. Trận Raphia diễn ra năm 217 TCN. Trận Panium xảy ra năm 200 TCN giữa vương quốc Seleucid (vua phương bắc) và vương quốc Ptolemaios (vua phương nam). Hai trận đánh này được nhắc đến trong các câu 11 đến 15 của sách Đa-ni-ên, chương 11. Hai trận đánh này diễn ra trước Khởi nghĩa Maccabe năm 167 TCN.

Trận chiến Panium lấy tên từ đặc điểm địa lý gần đó, Núi Panium, nơi cuộc xung đột diễn ra. Tên Panium bắt nguồn từ thần Pan của Hy Lạp, với một ngôi đền được dâng hiến cho vị thần này tại đó. Địa điểm này được gọi là Panium vì gắn liền với việc thờ phụng Pan. Quần thể đền thờ thường được gọi là Thánh điện của Pan, nhấn mạnh vai trò của nó như một nơi sùng tín tôn giáo và thờ phụng dành cho thần Pan. Thuật ngữ “Nymphaeum” chỉ một công trình hoặc điện thờ dành cho các tiên nữ nước trong tôn giáo Hy Lạp và La Mã cổ đại. Quần thể đền thờ ở Panium bao gồm một hang động và một suối tự nhiên, được tin là có các tiên nữ cư ngụ, vì vậy đôi khi nó được gọi là Nymphaeum của Panium.

Sau khi thành phố được Herod Philip, con trai của Herod the Great, xây dựng lại và mở rộng, nó được gọi là Caesarea Philippi để vinh danh Hoàng đế La Mã Caesar Augustus và chính Herod Philip. Quần thể đền thờ là một trung tâm tôn giáo quan trọng trong thành phố này.

Trong thời trị vì của Hoàng đế Augustus, ngôi đền đã được tái cung hiến hoặc đổi tên để vinh danh Augustus, phản ánh tín ngưỡng thờ cúng hoàng đế và việc hội nhập các thực hành tôn giáo La Mã vào bối cảnh tôn giáo địa phương. Khu vực gần thành cổ Caesarea Philippi, nơi tọa lạc đền thờ Pan, đôi khi được gọi là “Cổng Địa Ngục” hoặc “Cổng Hades”.

Trong các câu 16 đến 19 của Daniel chương 11, ba khu vực địa lý bị chinh phục được trình bày—những khu vực mà La Mã ngoại giáo phải vượt qua để được thiết lập như vương quốc thứ tư trong lời tiên tri Kinh Thánh và là vua phương bắc trong chương này. Ở câu 16, tướng La Mã Pompey được xác định là đã chinh phục Syria vào năm 65 TCN, rồi Jerusalem vào năm 63 TCN. Các câu 17 đến 19 ghi nhận Julius Caesar chinh phục Ai Cập, là trở ngại thứ ba trong ba trở ngại ấy. Trận Actium năm 31 TCN đánh dấu sự khởi đầu của 360 năm La Mã ngoại giáo sẽ cai trị tối thượng để ứng nghiệm câu 24 của Daniel chương 11.

Trong câu hai mươi, triều đại của Hoàng đế Augustus Caesar được ghi dấu, và trong bối cảnh lịch sử đó, Chúa Giê-su đã ra đời. Rồi trong các câu hai mươi một và hai mươi hai, triều đại của Tiberius Caesar gian ác được xác định, qua đó đánh dấu sự đóng đinh Đấng Christ. Ở câu hai mươi ba, liên minh mà người Do Thái Maccabê đã lập với La Mã ngoại giáo được nêu, và như vậy mạch lịch sử bắt đầu từ câu mười một bị dừng lại, còn tường thuật lịch sử thì lùi về giai đoạn từ năm 161

TCN đến 158 TCN.

Câu 23 đại diện cho dòng Maccabê, và tuy nó không cung cấp mọi chi tiết về mạch tiên tri liên quan đến họ, thì các ghi chép lịch sử lại có. Năm 217 TCN diễn ra Trận Raphia, và sau đó một vị vua nhi đồng đã khiến Ai Cập trở nên dễ bị tổn thương. Khi các vua Seleucid và Hy Lạp lên kế hoạch đối phó với vị vua nhi đồng vào năm 200 TCN, La Mã chen chân vào lịch sử và trở thành người bảo hộ cho vị vua nhi đồng Ai Cập. Cùng năm đó diễn ra Trận Panium. Rồi đến năm 167 TCN, chiến tranh du kích của người Maccabê bắt đầu.

Cuộc khởi nghĩa Maccabê bắt đầu tại Modein vào năm 167 TCN, và nó bao gồm việc người Maccabê không chỉ giao chiến chống Đế quốc Seleukos mà còn đối đầu với những người Do Thái mà họ cho là liên minh với Seleukos. Cuộc nổi dậy mang động cơ tôn giáo và được tiến hành chống lại cả kẻ thù nội bộ lẫn bên ngoài. Năm 164 TCN, người Maccabê tái cung hiến Đền Thờ, và sự kiện này được người Do Thái kỷ niệm qua lễ Hanukkah. Cũng trong năm đó, Antiochus Epiphanes khét tiếng đã qua đời. Sau đó, từ năm 161 TCN đến 158 TCN, "liên minh" ở câu 23 đã được thiết lập với La Mã.

Sự nhắc đến trực tiếp duy nhất về Maccabees, cuộc nổi dậy của họ và liên minh của họ với La Mã, được tìm thấy ở câu 23; nhưng lịch sử của vương triều, gọi là Vương triều Hasmonean, bắt đầu tại Modein vào năm 167 TCN và kéo dài đến thời kỳ thập tự giá. Những đại diện cuối cùng của Vương triều Hasmonean là những người Phariseu trong thời của Đấng Christ. Vì vậy, có một mạch lịch sử mang tính tiên tri của Do Thái giáo bội đạo, như được đại diện bởi Maccabees, bắt đầu vào năm 167 TCN với cuộc nổi dậy ở Modein, và kết thúc ở các câu 21 và 22 khi Chúa Giê-su bị đóng đinh.

Lịch sử của họ đạt đến một bước ngoặt ở câu 16, khi La Mã, lần đầu tiên, dưới quyền Pompey, chinh phục Giê-ru-sa-lem. Động cơ chính của ông khi đem sự tàn phá đến Giê-ru-sa-lem lúc ấy là một cuộc tranh chấp giữa hai phe trong triều đại Hasmonean. Từ thời điểm đó (63 TCN), Giu-đa ở dưới sự thống trị của La Mã. Triều đại Hasmonean của người Maccabee khởi đầu theo phương diện tiên tri tại trận Modein năm 167 TCN, rồi bị đặt dưới ách La Mã vào năm 63 TCN. Không lâu sau khi lịch sử ấy bắt đầu, người Maccabee đã khởi xướng và ký kết một liên minh với La Mã từ năm 161 TCN đến 158 TCN. Họ ở dưới ách La Mã từ năm 63 TCN cho đến thập tự giá và sự hủy diệt cuối cùng của Giê-ru-sa-lem vào năm 70.

Dòng tiên tri của nhà Maccabê là dòng của Do Thái giáo bội đạo, vì thế nó là hình bóng cho dòng của Tin Lành bội đạo. Từ Trận Panium cho đến đạo luật Chủ nhật của câu mười sáu, các sự kiện tiên tri của năm 200 TCN, 167 TCN, 164 TCN, và liên minh từ 161 TCN đến 158 TCN sẽ được lặp lại trong lịch sử của Tin Lành bội đạo. Những cột mốc này sẽ xảy ra trong lịch sử của vị tổng thống thứ tám, người vốn là một trong bảy, trước đạo luật Chủ nhật. Năm 200 TCN tượng trưng cho dòng bên ngoài của sừng Cộng hòa, còn năm 167 TCN tượng trưng cho dòng nội tại của sừng Tin Lành bội đạo.

Những cột mốc này về cơ bản bị ẩn khuất trong mạch lịch sử của Triều đại Hasmonean, nhưng tuy vậy vẫn là một phần của lịch sử bị che khuất ở câu bốn mươi của Đa-ni-ên đoạn mười một. Đó là một mạch nằm trong “phần của lời tiên tri của Đa-ni-ên liên quan đến những ngày sau rốt.”

Việc Do Thái giáo cử hành lễ Hanukkah để tưởng nhớ cuộc khởi nghĩa của người Maccabê không có nghĩa là người Maccabê là công chính. Vì sự phản loạn, shekinah đã không bao giờ trở lại đền thờ được xây dựng lại sau thời lưu đày bảy mươi năm. Thông điệp tiên tri cuối cùng đến qua Malachi khoảng hai thế kỷ trước thời Maccabê. Lịch sử của người Maccabê cho thấy họ đã cho phép các lãnh đạo chính trị của mình đồng thời đảm nhiệm chức thượng tế, chính tội lỗi mà Ptolemy người Ai Cập đã toan phạm, và vua Uzziah cũng đã toan phạm. Truyền thống ghi nhận rằng Đức Chúa Trời đã can thiệp để ngăn Ptolemy thực hiện hành vi phạm thượng, và lời của Đức Chúa Trời xác nhận trực tiếp rằng Ngài đã can thiệp khi vua Uzziah tìm cách thực hiện công việc của thầy tế lễ và của vua. Kết quả cuối cùng của triều đại họ là phái Phariseu. Không có lý do nào để kết luận rằng người Maccabê là biểu tượng của sự công chính, bất chấp sự tôn kính mang tính lịch sử mà người Do Thái thuộc Do Thái giáo hiện đại có thể dành cho họ.

Cuộc Cải chánh Tin Lành khởi sự vào thời Luther, và là một quá trình phát triển dần dần. Nó không phải là một truyền thống mới, vì Chúa Giê-su và các môn đồ của Ngài là những người Tin Lành; đó là một sự thức tỉnh khỏi bóng tối của lịch sử, trong đó Luther và các nhà cải chánh khác đã được thức tỉnh. Đỉnh điểm của cuộc cải chánh tiến triển ấy là Phong trào Millerite. Đức Chúa Trời không chỉ cần đánh thức những nhà cải chánh buổi đầu trước các tội lỗi của Ba-by-lôn, mà Ngài còn định dẫn họ đến sự hiểu biết trọn vẹn về luật pháp của Ngài và về công việc của Ngài trong đền thánh trên trời. Vào ngày 19 tháng 4 năm 1844, những người Tin Lành đã khước từ ánh sáng ngày càng tăng của cuộc cải chánh và trở thành Tin Lành bội đạo.

Những người theo Miller trung tín khi ấy đã được “trao áo choàng” và được hướng dẫn vào Nơi Chí Thánh để hoàn tất công việc nhằm trở nên những Cơ Đốc nhân Tin Lành trưởng thành. Vào năm 1863, những người đã được trao áo choàng, vì bất tuân, đã gác bỏ áo choàng Tin Lành và khoác lấy áo choàng Laodicea. Trong giai đoạn cuối của việc đóng ấn một trăm bốn mươi bốn nghìn, bắt đầu hai mươi hai năm sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, tức năm 2023, Sư tử thuộc chi phái Giu-đa đang mở ấn những lễ thật lấp đầy phần lịch sử ẩn giấu của câu bốn mươi, chương mười một sách Đa-ni-ên, tức là lịch sử từ sự sụp đổ của Liên Xô năm 1989 cho đến luật Chủ nhật sắp đến. Khi làm điều này, Ngài đã mở ấn lịch sử của Do Thái giáo bội đạo như một biểu tượng của Tin Lành bội đạo.

Cả hai dòng của dân bội đạo của Đức Chúa Trời, dù là Giu-đa theo nghĩa đen hay Giu-đa thuộc linh (cả hai đều là đất vinh hiển), đều kết thúc ở biên cố Giê-ru-sa-lem bị chinh phục: dòng trước vào năm 63 TCN, còn dòng sau tại luật ngày Chủ nhật sắp đến. Cả hai dòng đều mô tả những cuộc chiến tranh được thúc đẩy bởi các xác tín tôn giáo sai lạc. Cả hai dòng đều mô tả một cuộc chiến chống lại các triết lý tôn giáo của Hy Lạp, và cả hai đều kết cục với việc những kẻ bội đạo bị lệ thuộc vào La Mã. Tôi xác định ba trận chiến của câu bốn mươi là tượng trưng cho sự sụp đổ của Liên Xô năm 1989, cuộc chiến ở Ukraina, và Panium tại thời điểm luật ngày Chủ nhật, nhằm chỉ ra sự phân biệt giữa ba trận chiến ấy và ba cuộc thế chiến.

"Lời của Đức Chúa Trời đã cảnh báo về mối nguy đang kề cận; nếu điều này bị phớt lờ, thế giới Tin Lành sẽ chỉ biết các mục đích thật sự của La Mã là gì khi đã quá muộn để thoát khỏi cạm bẫy. Nó đang âm thầm lớn mạnh. Giáo lý của nó đang phát huy ảnh hưởng tại các nghị trường, trong các hội thánh, và trong lòng người. Nó đang dựng lên những công trình cao ngất

và đồ sộ của mình, mà trong những góc ngách bí mật của chúng, những cuộc bách hại trước kia của nó sẽ được lặp lại. Một cách lén lút và không ai ngờ tới, nó đang củng cố lực lượng của mình để phục vụ mưu đồ riêng khi thời điểm đến đến ra tay. Điều nó mong muốn chỉ là một vị thế thuận lợi, và điều ấy đang được trao cho nó. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thấy và cảm nhận mục đích của thế lực La Mã là gì. Ai tin và vâng theo Lời Đức Chúa Trời sẽ vì thế mà chuốc lấy sự sỉ nhục và bách hại." Cuộc Đại Tranh Chấp, 581.

Từ câu mười, là câu xác định sự sụp đổ của Liên Xô vào năm 1989, cho đến Trận Panium ở câu mười lăm, giáo hoàng quyền đã và đang “củng cố lực lượng của mình để thúc đẩy các mục đích riêng khi đến lúc ra tay.” Những câu này xác định các hoàn cảnh tiên tri là “cạm bẫy” đã được giáo hoàng quyền chuẩn bị, mà sẽ không thể “thoát khỏi.” Trong trận giao chiến cuối cùng, được biểu trưng bởi Trận Panium, hình tượng của con thú sẽ được hình thành tại Hoa Kỳ. Việc hình thành hình tượng ấy là thử thách cuối cùng cho dân sự của Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt.

Chúa đã tỏ cho tôi thấy rõ ràng rằng hình tượng của con thú sẽ được lập nên trước khi thời kỳ ân điển chấm dứt; vì đó sẽ là bài thử lớn cho dân của Đức Chúa Trời, qua đó vận mệnh đời đời của họ sẽ được quyết định. ... Trong Khải Huyền đoạn 13, vấn đề này được trình bày cách rõ ràng; [Khải Huyền 13:11-17, trích].

Đây là bài thử mà dân sự của Đức Chúa Trời phải trải qua trước khi họ được đóng ấn. Tất cả những ai chứng tỏ lòng trung thành với Đức Chúa Trời bằng cách tuân giữ luật pháp của Ngài và từ chối chấp nhận một ngày Sa-bát giả mạo, sẽ quy tụ dưới ngọn cờ của Chúa là Đức Chúa Trời Giê-hô-va, và sẽ nhận ấn của Đức Chúa Trời hằng sống. Những ai từ bỏ lễ thật có nguồn gốc từ trời và chấp nhận ngày Sa-bát Chủ nhật sẽ nhận dấu của con thú. Manuscript Releases, quyển 15, 15.

Sự hình thành hình tượng của con thú được biểu trưng bởi thời kỳ khi liên minh với Rôma được ký kết. Sừng Tin Lành của Hoa Kỳ đã trở thành các con gái của Rôma vào năm 1844, và phần mở đầu lịch sử của họ được tái diễn vào cuối lịch sử của họ khi họ một lần nữa quyết định bắt chước mẹ mình.

Tôi thấy rằng con thú có hai sừng có miệng như rồng, rằng quyền lực của nó ở đầu nó, và rằng sắc lệnh sẽ phát ra từ miệng nó. Rồi tôi thấy Mẹ của các dân phụ; rằng người mẹ không phải là các con gái, nhưng riêng biệt và khác hẳn với họ. Bà đã có thời của mình, và thời ấy đã qua, và các con gái của bà, tức các giáo phái Tin Lành, là những kẻ tiếp theo bước lên sân khấu và thể hiện cùng một tinh thần mà người mẹ đã có khi bà bắt bớ các thánh. Tôi thấy rằng khi quyền lực của người mẹ suy giảm, thì các con gái lại lớn mạnh, và chẳng bao lâu họ sẽ thi hành quyền lực mà trước kia người mẹ đã từng thi hành.

Tôi thấy giáo hội danh nghĩa và những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm danh nghĩa, giống như Giu-đa, sẽ phản bội chúng tôi, nộ chúng tôi cho người Công giáo để lợi dụng ảnh hưởng của họ mà chống lại lễ thật. Bấy giờ các thánh sẽ là một dân sự vô danh, ít được người Công giáo biết đến; nhưng các giáo hội và những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm danh nghĩa, là những người biết về đức tin và tập tục của chúng ta (vì họ ghét chúng ta vì ngày Sa-bát, bởi họ không thể bác bỏ nó), sẽ phản bội các thánh và tố cáo họ với người Công giáo như những kẻ coi thường các thiết chế của dân chúng; tức là họ giữ ngày Sa-bát và không giữ ngày Chủ nhật.

Rồi những người Công giáo bảo những người Tin Lành tiến lên và ban hành một sắc lệnh rằng tất cả ai không giữ ngày thứ nhất trong tuần thay vì ngày thứ bảy sẽ bị giết. Và những người Công giáo, vốn đông đảo, sẽ đứng về phía những người Tin Lành. Những người Công giáo sẽ trao quyền lực của họ cho ảnh tượng của con thú. Và những người Tin Lành sẽ hành động như mẹ họ đã từng làm trước họ để tiêu diệt các thánh đồ. Nhưng trước khi sắc lệnh của họ có hiệu quả, các thánh đồ sẽ được giải cứu bởi Tiếng Phán của Đức Chúa Trời. Spalding và Magan, 1, 2.

Trong đoạn văn có hai nhóm “trên danh nghĩa”, nghĩa là “chỉ trên danh nghĩa”, phản bội và giao nộp những người trung tín của Đức Chúa Trời cho những người Công giáo. Sự hiểu biết của Ellen White về các hội thánh trên danh nghĩa và các tín hữu Phục Lâm trên danh nghĩa khác với điều mà họ thực sự đại diện trong những ngày sau rốt, vì theo bà, một “tín hữu Phục Lâm trên danh nghĩa” sẽ là một Cơ đốc nhân xưng nhận tin vào sự tái lâm của Đấng Christ. Nhưng các đảng tiên tri phán nói nhiều hơn về những ngày sau rốt, hơn là về thời đại họ đang sống, và một “tín hữu Phục Lâm trên danh nghĩa” trong những ngày sau rốt đại diện cho Hội thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy Laodicea, còn các hội thánh trên danh nghĩa là hậu duệ của những người đã trở thành các “con gái” của La Mã vào năm 1844.

Những người Cơ Đốc Phục Lâm sẽ ghét những “người vô danh”, là những đại diện chân thật của Đức Chúa Trời, vì họ “không thể bác bỏ lẽ thật về ngày Sa-bát”, tức là kỳ Sa-bát khi đất đai được nghỉ ngơi. Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm tuyên bố giữ ngày thứ bảy làm ngày thờ phượng, nhưng trong những ngày sau rốt, ngày Sa-bát mà họ không thể bác bỏ chính là “bảy lần” trong Lê-vi Ký, chương 26, là lẽ thật nền tảng đầu tiên mà họ đã khước từ vào năm 1863.

Đoạn mà chúng ta đang bàn đến đang chỉ ra những diễn biến mang tính tiên tri liên quan đến lịch sử bắt đầu từ luật Chủ nhật sắp tới, nhưng thời kỳ thử thách cuối cùng theo sau luật Chủ nhật trước hết được thực hiện tại Hoa Kỳ. Khi luật Chủ nhật được ban hành, Hoa Kỳ sẽ buộc toàn thế giới dựng nên một hình tượng cho con thú, nhưng trước khi hoàn tất công việc đó, họ sẽ dựng nên một hình tượng cho con thú ngay trong Hoa Kỳ.

Khi Hoa Kỳ, miền đất của tự do tôn giáo, liên hiệp với Giáo hoàng quyền để cưỡng bức lương tâm và buộc người ta tôn kính ngày Sa-bát giả mạo, thì người dân của mọi quốc gia trên địa cầu sẽ bị dẫn dắt noi theo gương của nước ấy. Chứng Ngôn, quyển 6, 18.

"Các quốc gia khác sẽ noi gương Hoa Kỳ. Mặc dù Hoa Kỳ đi đầu, nhưng cùng một cuộc khủng hoảng sẽ xảy đến với dân chúng ta ở khắp nơi trên thế giới." Testimonies, tập 6, 395.

Cuộc thử thách lớn dành cho dân của Đức Chúa Trời diễn ra trước luật ngày Chủ Nhật, vì khi đến luật ngày Chủ Nhật thì cửa ân điển sẽ đóng lại đối với các tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy. Sự thử thách đó được tượng trưng bằng sự hình thành ảnh tượng của con thú, và ảnh tượng của con thú là sự kết hợp giữa Giáo Hội và Nhà Nước, trong đó Giáo Hội nắm quyền kiểm soát mối quan hệ. Cũng như những người Tin Lành đã trở thành con gái của La Mã vào năm 1844, và con gái là ảnh tượng của mẹ mình, những người Tin Lành bội đạo sẽ hoàn thành một công việc tương tự trong những ngày sau rốt, vì Chúa Giê-su luôn dùng phần khởi đầu để minh họa phần kết thúc của một sự việc.

Lịch sử được biểu trưng bởi "liên minh" ở câu hai mươi ba của Đa-ni-ên chương mười một, đại diện cho một dân bội đạo tự xưng của đất vinh hiển vươn tay ra để lập một liên minh với Rô-ma. Từ năm 161 TCN đến 158 TCN đại diện cho sự hình thành hình tượng con thú, đạt đến đỉnh điểm ở luật ngày Chủ nhật.

Chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu này trong bài viết tiếp theo.

Nhưng “ảnh tượng cho con thú” là gì? Và nó sẽ được hình thành như thế nào? Ảnh tượng ấy do con thú có hai sừng làm ra, và là một ảnh tượng cho con thú. Nó cũng được gọi là ảnh tượng của con thú. Vậy để biết ảnh tượng ấy như thế nào và nó sẽ được hình thành ra sao, chúng ta phải nghiên cứu các đặc điểm của chính con thú ấy—tức là giáo hoàng quyền.

Khi Hội thánh buổi đầu bị bại hoại vì rời bỏ sự đơn sơ của Phúc Âm và chấp nhận các nghi lễ cùng phong tục ngoại giáo, Hội thánh đánh mất Thánh Linh và quyền năng của Đức Chúa Trời; và để kiểm soát lương tâm của dân chúng, Hội thánh tìm kiếm sự hậu thuẫn của thế quyền. Kết quả là chế độ giáo hoàng, một giáo hội nắm quyền lực của nhà nước và sử dụng nó để phục vụ các mục đích riêng của mình, đặc biệt là để trừng phạt “dị giáo”. Đế Hoa Kỳ có thể tạo nên hình tượng của con thú, quyền lực tôn giáo phải kiểm soát chính quyền dân sự đến mức mà uy quyền của nhà nước cũng sẽ được giáo hội sử dụng nhằm thực hiện các mục đích riêng của mình. *The Great Controversy*, 443.